

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị
dịch vụ sinh thái cao cấp, thông minh phía Nam,
thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 630-TB/TU ngày 08/11/2021 của Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 535/BC-SXD ngày 10/12/2021; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình 439/TTr-UBND ngày 29/11/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ sinh thái cao cấp, thông minh phía Nam, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500), với các nội dung chính như sau:

1. Lý do điều chỉnh quy hoạch.

Khu đô thị sinh thái kết hợp công viên phía Nam, Thành phố Bắc Giang được UBND thành phố Bắc Giang phê duyệt Quy hoạch chi tiết và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 30/10/2018. Tuy nhiên, khu vực phía Nam của xã Tân Tiến, giáp sông Thương có lợi thế về cảnh quan nhưng chưa phát huy và khai thác hết tiềm năng của khu vực. Theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị sinh thái kết hợp công viên phía Nam, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500), khu vực trên có tính chất là khu đô thị sinh thái kết hợp công viên phía Nam của thành phố Bắc Giang (chức năng sử dụng chính là đất công trình dịch vụ - công cộng, đất giáo dục, đất y tế, đất đơn vị ở, đất công viên cây xanh, đất tôn giáo). Tính chất này hiện không còn phù hợp với định hướng phát triển mới của thành phố Bắc Giang.

2. Ranh giới và phạm vi quy hoạch.

a) Vị trí: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp ĐT293 và dân cư thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến;
- Phía Nam: Giáp sông Thương;
- Phía Đông: Giáp sông Thương;
- Phía Tây: Giáp sông Thương.

b) Quy mô đồ án:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 333ha;
- Quy mô dân số trong khu vực lập quy hoạch khoảng 40.964 người.

3. Tính chất.

Là khu vực phát triển đô thị phía Nam của thành phố Bắc Giang. Cung cấp các loại hình nhà ở đa dạng, nhằm đáp ứng với nhiều đối tượng sử dụng; Hỗ trợ dịch chuyển dân cư từ đô thị trung tâm tới các khu ở mới và gắn kết với các dịch vụ hạ tầng hiện đại theo mô hình đa chức năng;

Là đô thị dịch vụ, sinh thái, thông minh với các chức năng hỗn hợp, bao gồm: nhà ở, các dịch vụ thương mại, dịch vụ công cộng khu đô thị, đầu mối HTKT cấp khu vực.

4. Nội dung điều chỉnh.

4.1. Điều chỉnh phạm vi nghiên cứu và quy dân số:

- Phạm vi nghiên cứu: Mở rộng ranh giới bao gồm phạm vi dự kiến xây dựng cầu qua sông tại vị trí phía Nam khu đô thị nhằm kết nối khu đô thị với các khu vực đô thị phía Nam sông Thương và phạm vi tuyến đường giao thông đối

ngoại tại vị trí phía Đông Bắc khu đô thị nhằm kết nối giao thông với tuyến ĐT293;

- Quy mô dân số: Điều chỉnh tăng quy mô dân số trên nguyên tắc tự cân đối, đáp ứng đủ chỉ tiêu đất công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị.

4.2. Điều chỉnh sử dụng đất:

- Điều chỉnh tính chất của khu vực: Là khu đô thị dịch vụ sinh thái cao cấp, thông minh phía Nam thành phố Bắc Giang;

- Điều chỉnh cục bộ các khu chức năng để phù hợp với mục tiêu, tính chất của khu vực. Bổ sung chức năng đất trường học cấp đô thị (trường THPT); mở rộng quy mô diện tích đất y tế với mục tiêu xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa;

- Điều chỉnh tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan nhằm khai thác triệt để lợi thế cảnh quan thiên nhiên của khu vực, đảm bảo tính hài hòa với các khu vực lân cận.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất trước điều chỉnh (theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 30/10/2018):

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	722.432	21,93
1.1	Đất khu biệt thự	298.411	9,06
1.2	Đất khu nhà ở liên kế	99.794	3,03
1.3	Đất công trình hỗn hợp cao tầng (thương mại, văn phòng, ở)	67.070	2,04
1.4	Đất làng xóm hiện trạng	226.597	6,88
1.5	Đất ở hiện trạng cải tạo chỉnh trang	30.560	0,93
2	Đất công cộng, dịch vụ	174.148	5,29
2.1	Đất công cộng	61.970	1,88
2.2	Đất y tế	5.197	0,16
2.3	Đất trường học	106.981	3,25
3	Đất cây xanh	931.083	28,27
3.1	Đất công viên, TDTT	314.659	9,55
3.2	Đất cây xanh cảnh quan	616.424	18,71
4	Mặt nước	368.153	11,18
5	Đất công viên nghĩa trang	134.154	4,07
6	Đất cây xanh cách ly	43.622	1,32
7	Đất tôn giáo di tích	15.800	0,48
8	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	38.509	1,17
9	Đất giao thông	866.189	26,30
9.1	Đất đường giao thông	813.711	
9.2	Đất bãi đỗ xe	52.478	
	Tổng cộng	3.294.090	100

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	2.879.228,27	86,36
1	Đất công trình dịch vụ - công cộng đô thị	117.792,36	3,53
1.1	<i>Đất công trình dịch vụ - công cộng (thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, văn phòng...)</i>	80.793,04	2,42
1.2	<i>Đất bệnh viện</i>	36.999,32	1,11
2	Đất cây xanh, mặt nước đô thị	789.965,83	23,69
3.1	<i>Đất cây xanh đô thị</i>	539.467,41	16,18
3.2	<i>Đất mặt nước</i>	250.498,42	7,51
3	Trường trung học phổ thông	19.132,20	0,57
4	Đất giao thông đô thị	286.573,55	8,6
4.1	<i>Đất đường giao thông đô thị</i>	226.490,53	6,79
4.2	<i>Đất bãi đỗ xe</i>	60.083,02	1,8
5	Đất đơn vị ở, nhóm ở độc lập	1.665.764,33	49,96
5.1	<i>Đất công trình dịch vụ - công cộng DVỞ</i>	53.871,44	1,62
5.2	<i>Đất cây xanh DVỞ</i>	84.566,36	2,54
5.3	<i>Đất cây xanh Nhóm nhà ở</i>	44.266,28	1,33
5.4	<i>Đất trường học cấp đơn vị ở (trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, trường liên cấp)</i>	81.446,59	2,44
5.5	<i>Đất ở</i>	780.696,71	23,42
	<i>Đất ở nhà biệt thự</i>	217.956,19	6,54
	<i>Đất ở nhà liền kề</i>	372.494,95	11,17
	<i>Đất ở chung cư cao tầng</i>	21.493,75	0,64
	<i>Đất ở nhà ở xã hội</i>	156.809,00	4,7
	<i>Đất ở tái định cư</i>	11.942,82	0,36
5.6	<i>Đất giao thông đơn vị ở</i>	620.916,95	18,62
B	Đất xây dựng ngoài phạm vi khu dân dụng	454.672,81	13,64
1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng	286.682,08	8,6
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	25.776,98	0,77
3	Đất tôn giáo	18.331,86	0,55
4	Đất nghĩa trang	123.881,89	3,72
	Tổng cộng	3.333.901,08	100

5. Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị.

a) Giải pháp tổ chức không gian:

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cơ bản tuân thủ theo định hướng đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và hiện trạng khu vực nghiên cứu;

Về tổng thể, không gian kiến trúc khu vực lập quy hoạch có bố cục dạng mảng và tuyến không gian thấp tầng, cao tầng, xen lẫn với hệ thống cây xanh, mặt nước cảnh quan, đón các hướng nhìn quan trọng từ phía trục chính;

Cấu trúc không gian kiến trúc cảnh quan khu vực được tổ chức với ý tưởng phát triển đô thị sinh thái, hiện đại với hệ thống cây xanh mặt nước cảnh quan với quy mô lớn kết hợp các dịch vụ tiện ích đô thị cao cấp công trình công cộng, dịch vụ, thương mại..., đồng thời phát triển gắn với khu dân cư hiện hữu;

Tại các vị trí cửa ngõ và trung tâm khu vực nghiên cứu, bố trí các công trình dịch vụ tiện ích như trung tâm thương mại tại vị trí cửa ngõ phía Bắc hay công trình Cung thiếu nhi nằm trên đường chính khu vực. Các công trình được thiết kế với khối tích lớn kết hợp hình thái kiến trúc độc đáo, ngoài việc đảm bảo đáp ứng nhu cầu khai thác và sử dụng còn nhằm tạo ra các điểm nhận biết, điểm nhấn của khu vực. Các khu nhà ở được bố trí dàn trải trên toàn bộ khu vực và bám sát các tuyến đường giao thông;

Các công trình công cộng được bố trí với bán kính phù hợp, liên kết với các khu nhà ở qua các trục giao thông nội khu. Ưu tiên đặt cạnh không gian cây xanh để tạo nên một quần thể không gian công cộng sinh động;

Hệ thống cây xanh, mặt nước, quảng trường công cộng được kết nối tạo thành mạng lưới gắn kết chặt chẽ với nhau, thuận tiện cho người sử dụng. Các mảng cây xanh, mặt nước lớn có tác dụng điều hòa, tạo nên không khí trong lành đồng thời có tác dụng giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

b) Thiết kế đô thị:

Khung thiết kế đô thị là các trục không gian kiến trúc cảnh quan theo các tuyến đường chính; hệ thống công trình công cộng, dịch vụ đô thị được bố trí với khối tích lớn tạo thành điểm nhấn cho khu đô thị;

Các công trình trường học, nhà văn hóa được xây dựng với mật độ thấp, có không gian cây xanh cảnh quan, môi trường tốt để phục vụ nhu cầu học tập và sinh hoạt văn hóa của khu đô thị;

Khu quảng trường, vườn hoa, cây xanh bố trí hệ thống sân chơi, vườn hoa, cây xanh, đường dạo, tượng trang trí, các điểm dừng chân;

Khu nhà ở cao tầng được thiết kế với hình thức kiến trúc hiện đại, màu sắc công trình hài hòa với cảnh quan chung của khu đô thị và cảnh quan khu vực xung quanh;

Khu nhà ở chia lô và biệt thự được thiết kế với màu sắc trung tính, nhã nhặn, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường; Các tầng nhà thống nhất theo từng tuyến phố và phù hợp theo quy định quản lý của đồ án.

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

ĐT293: Là tuyến đối ngoại tiếp giáp phía Bắc khu vực quy hoạch. Đoạn đi qua khu vực có lộ giới 48m, trong đó lòng đường $2 \times 10,5 \text{m} = 21$, phân cách giữa 12m, vỉa hè 2 bên $2 \times 7,5 \text{m} = 15 \text{m}$;

Đường cầu Đồng Sơn qua sông Thương: Đoạn cầu Đồng Sơn mặt cắt (A1-A1) quy hoạch rộng 72m, trong đó 2 đơn nguyên cầu rộng $2 \times 16\text{m} = 32\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 3m, taluy 02 bên rộng $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$, đường gom 2 bên rộng $2 \times 9\text{m} = 18\text{m}$, vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$. Đoạn đường dẫn lên cầu Đồng Sơn mặt cắt (A2-A2) quy hoạch rộng 72m, trong đó lòng đường chính 2 bên rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 3m, đường gom 2 bên rộng $2 \times 9\text{m} = 18\text{m}$, taluy 2 bên rộng $2 \times 9\text{m} = 18\text{m}$, vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$;

Đường dẫn lên cầu đi xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng: Mặt cắt (B1-B1) quy hoạch rộng 51m, trong đó đường dẫn lên cầu rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 2m, đường gom 2 bên rộng $2 \times 8\text{m} = 16\text{m}$, vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$;

Đường dẫn lên cầu Đồng Sơn: Mặt cắt (2-2) quy hoạch rộng 42m, trong đó đường dẫn lên cầu rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 3m, vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 9\text{m} = 18\text{m}$.

- Giao thông khu đô thị:

+ Đường chính đô thị:

Mặt cắt (1A-1A) rộng 51m, trong đó lòng đường rộng $2 \times 12,5\text{m} = 25\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 5m, vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$;

Mặt cắt (1B-1B) rộng 66m, trong đó lòng đường rộng $2 \times 12,5\text{m} = 25\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 5m, vỉa hè 2 bên $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; lòng đường gom rộng 9m, vỉa hè bên đường gom rộng 6m.

+ Đường liên khu vực:

Mặt cắt (3-3) rộng 35m, trong đó lòng đường $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$, dải phân cách giữa 2m, hè đường 2 bên rộng $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$.

+ Đường phân khu vực và nhóm nhà ở:

Mặt cắt (4-4) rộng 32m, trong đó lòng đường $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, dải phân cách giữa 2m, hè đường 2 bên rộng $9 + 6 = 15\text{m}$;

Mặt cắt (5-5) rộng 30m, trong đó lòng đường $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, dải phân cách giữa 3m, hè đường 2 bên rộng $2 \times 6 = 12\text{m}$;

Mặt cắt (6-6) rộng 25m, trong đó lòng đường 15m, hè đường 2 bên rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$;

Mặt cắt (7-7) rộng 15,5m, trong đó lòng đường 10,5m, hè đường 1 bên rộng 5m;

Mặt cắt (8-8) rộng 21m, trong đó lòng đường 9m, hè đường 2 bên rộng $2 \times 6 = 12\text{m}$;

Mặt cắt (9-9) rộng 14m, trong đó lòng đường 8m, hè đường 2 bên rộng $2 \times 3 = 6\text{m}$;

Mặt cắt (10-10) rộng 13,5m, trong đó lòng đường 7,5m, hè đường 2 bên rộng $2 \times 3 = 6\text{m}$;

Mặt cắt (11-11), đường đê rộng 8m;

Mặt cắt (12-12), đường bao quanh dân cư hiện trạng rộng 6m.

b) San nền: Cao độ san nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh và quy hoạch chung xây dựng được duyệt, cao độ không chế tim đường thấp nhất là +4,0m, cao độ cao nhất là +8,4m (đê bồi).

c) Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh với chế độ tự chảy và thoát riêng hoàn toàn với nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước được chia thành 02 lưu vực chính:

Lưu vực 1: Là phần lớn diện tích khu vực bao quanh bởi hệ thống đê sông Thương; Lưu vực chia thành 2 lưu vực nhỏ là (Lưu vực 1.1) từ đường bao ngoài khu vực biệt thự reverside về phía Tây khu vực. Hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông về hệ thống hồ cảnh quan; (Lưu vực 1.2) khu vực từ đường bao ngoài khu vực biệt thự reverside và đường chính đô thị 51m về phía Đông khu vực quy hoạch. Hướng thoát nước chính từ phía Đông sang phía Tây. Trong trạng thái bình thường, nước mưa sẽ tự chảy ra sông Thương qua hệ thống cống và cửa phai điều tiết phía Tây Nam khu vực quy hoạch. Khi nước sông Thương lên cao, toàn bộ nước mưa của khu vực được bơm ra sông Thương qua trạm bơm Thanh Cẩm công suất 15.000m³/ngđ. Xây dựng trạm bơm duy trì mực nước để giữ mực nước trong hồ luôn cố định, tạo mặt nước trong xanh, cảnh quan thẩm mỹ cho đô thị.

Lưu vực 2: Lưu vực phía Bắc khu vực quy hoạch giáp nút giao cầu Đồng Sơn, hướng thoát nước chính của khu vực thoát theo hướng từ Đông sang Tây về trạm bơm Tân Tiến, bơm ra sông Thương;

Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT đường kính D600÷D2000; cống hộp BxH=2000x2000 và BxH=3500x3500;

Hệ thống hố ga thu nước được bố trí cách nhau tối đa 30m/hố;

Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

- Hệ thống thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải khu đô thị sử dụng cống tròn đường kính D300-D700, toàn bộ nước thải của khu vực được thoát vào tuyến cống chung, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải SH1 của thành phố được di chuyển về vị trí mới nằm ở phía Tây Bắc giáp nghĩa trang tập trung của thành phố có công suất khoảng 30.000m³/ng.đ.

d) Cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch được lấy từ đường ống cấp nước HDPE-D355 nằm dọc trên tuyến ĐT293 từ Nhà máy nước Bắc Giang công suất hiện trạng 35.000m³/ngđ. Đường kính ống cấp nước chính khu đô thị từ D50 - D355 dùng ống nhựa HDPE, được đặt dưới vỉa hè có độ sâu tối thiểu 0,5m đến 0,7m, đoạn qua đường được đặt trong ống thép bảo vệ.

e) Cấp điện:

- Nguồn cấp: Các trạm biến áp thuộc dự án được cấp điện từ trạm biến áp

110kV Song Khê Nội Hoàng, trạm biếp áp 110Kv phía Nam thành phố và trạm biếp áp 110kv Đồi Cốc;

Dự kiến xây dựng các trạm biếp áp mới cung cấp cho khu vực, sử dụng các gam máy 560-750KVA với các khu vực thấp tầng, các khu vực cao tầng phụ tải tập trung tùy vào điều kiện thực tế sử dụng các gam máy từ 1000-2500KVA.

- Lưới điện:

Lưới điện trung thế: Hệ thống điện 35(22)kV trong khu vực lập quy hoạch được bố trí đi ngầm trên hè đường;

Lưới điện hạ thế: Gồm các tuyến cáp ngầm từ các lộ ra của trạm biếp áp hạ thế 35(22)/0,4KV đến các tủ điện tổng để phân phối cho các lô đất;

Điện chiếu sáng đi ngầm dưới vỉa hè tới các tủ điện.

f) Chất thải rắn (CTR):

Trong khu vực vườn hoa, cây xanh, các trục đường lớn đặt các thùng đựng CTR;

CTR phải được phân loại tại nguồn thành hai loại: Chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ được thu gom đưa đi xử lý tại khu xử lý chung của thành phố Bắc Giang tại bãi chôn lấp CTR Đa Mai;

Điểm thu gom và tập kết bố trí gần khu vực xử lý nước thải và kết hợp khu cây xanh.

g) Đánh giá môi trường chiến lược: Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực.

h) Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật: Hệ thống thông tin liên lạc, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa trên các trục đường đều bố trí trên phần đất hè đường.

7. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng.

- Hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng các trục giao thông, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải...;

- Công trình công cộng: Trường học, sân thể thao, nhà văn hóa, khuôn viên cây xanh mặt nước, bãi đỗ xe...

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy định điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ sinh thái cao cấp, thông minh phía Nam, thành phố Bắc Giang” ban hành kèm theo Quyết định này.

(Có Quy định quản lý theo đồ án kèm theo hồ sơ quy hoạch)

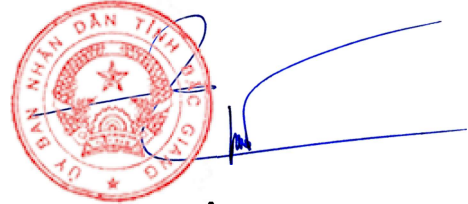
Điều 2. UBND thành phố Bắc Giang có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TĐTT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích